

Số: 1437/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 22 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ
ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I:
từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 745/BDT-NV
ngày 22 tháng 7 năm 2022; Công văn số 816/BDT-NV ngày 12 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến
lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Thủ trưởng các
Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**
(Kèm theo Quyết định số: 1437/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa thực hiện Chiến lược công tác dân tộc phù hợp với điều kiện của địa phương để phát triển nhanh, toàn diện, bền vững các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức và đồng bào dân tộc thiểu số về công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, có trọng tâm, trọng điểm đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết và Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các đề án, dự án, chính sách, kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phải phù hợp với thực tiễn hiện nay của tỉnh.

- Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công các Sở, Ban, ngành và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện bám sát các nhiệm vụ, giải pháp, quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết và có sự phối hợp chặt chẽ để tổ chức triển khai thực hiện.

- Lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, dự án, đề án của Trung ương và địa phương để thực hiện, tránh trùng lặp, chồng chéo. Trong đó chú trọng nguồn lực Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu chung

Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng; xóa đói, giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao mức sống đồng bào



các dân tộc vùng dân tộc thiểu số; rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với vùng phát triển; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tình hình chính trị, trật tự xã hội ổn định, giữ vững an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- Trên 55% lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Tăng trưởng kinh tế bình quân các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu từ 6,0 đến 6,5%/năm.

- Thu nhập bình quân người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tăng bình quân 6,5%/năm.

- Chỉ số phát triển con người là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (HDI) đạt trên 0,69.

- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35 - 40%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã của vùng có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó trên 80% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng.

- Phần đầu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Góp phần duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng của cả nước đạt tối thiểu 42%.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Cơ bản không còn hộ nghèo, người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ đột phá

a) Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Về phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

d) Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi. Trong đó ưu tiên phát triển hệ thống giao thông đường bộ liên tỉnh, liên huyện kết nối với hệ thống đường bộ quốc gia, kết nối liên vùng và liên thông vận tải với các nước bạn có chung đường biên giới.

đ) Phát triển mạnh hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

e) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc; đổi mới tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

b) Về phát triển kinh tế

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối với nông nghiệp:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; tập trung hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (quốc gia, cấp tỉnh, đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực và vùng phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng, tạo sinh kế góp phần nâng cao thu nhập cho người dân; triển khai thực hiện hiệu quả công tác giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy định của pháp luật về Luật Lâm nghiệp; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng; tập trung đấu tranh, xử lý dứt điểm tình trạng phá rừng làm nương rẫy, hủy hoại rừng.

+ Giải quyết đất ở, đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối với công nghiệp - xây dựng:

+ Rà soát, quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng; xây dựng phương án phát triển các Đoàn kinh tế - quốc phòng, Khu kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm để phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng dưỡng dụng, liên kết với công nghiệp dân sinh.

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

+ Quy hoạch hệ thống đô thị, khu dân cư mới và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư, sắp xếp, ổn định dân cư tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát; nâng cao năng lực ngành xây dựng, bảo đảm đủ sức thiết kế, thi công các công trình phù hợp với đặc thù của địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Chú trọng phát triển kinh tế biên mậu với các nước có chung đường biên giới (Campuchia); khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mới ký kết để tăng cường xuất khẩu sang các nước và các thị trường mới, song song với bảo vệ sản xuất, thương hiệu các sản phẩm Việt Nam và lợi ích của người tiêu dùng. Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối và các hội chợ xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa; đồng thời, phát triển các mô hình, sản phẩm du lịch xanh, du lịch trải nghiệm, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng,... dựa trên yếu tố đặc trưng về tự nhiên và văn hóa của các địa phương.

c) Về phát triển giáo dục và đào tạo

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm

bảo tỉ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế địa phương.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Về y tế và dân số

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Có cơ chế để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

- Thí điểm các mô hình, tiến tới nhân rộng các cơ sở y tế kết hợp quân - dân y để khám bệnh, chữa bệnh cho người dân.

đ) Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

- Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nhằm tạo ra sự đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa

truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết, các ngày lễ, hội, biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Quốc phòng, an ninh

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc, bạo loạn, biểu tình, phá rối trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

g) Về đối ngoại

- Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút nguồn lực đầu tư của cộng đồng quốc tế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt là các nước có chung đường biên giới với Việt Nam; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng giao lưu với nhân dân với nước láng giềng; thực hiện kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới.

- Gắn kết đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng, đối ngoại công an với nước bạn Campuchia giữ vững an ninh, trật tự tuyến biên giới; phòng, chống tội phạm về ma túy, “buôn người”, phối hợp phòng chống khủng bố.

- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại góp phần giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng và ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; kịp thời đấu tranh ngăn ngừa những thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước.

h) Củng cố hệ thống chính trị cơ sở

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm tại khu vực biên giới, vùng căn cứ cách mạng.

3. Giải pháp thực hiện

a) Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc

Quán triệt nghiêm túc nội dung Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới. Chú trọng công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, xóa tình trạng thôn, bon, buôn “trắng” đảng viên và tổ chức Đảng.

b) Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra. Trong đó kinh phí thực hiện Chiến lược công tác dân tộc được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động sự tham gia của các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính vi mô trong việc triển khai các gói tín dụng, bảo hiểm vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Đổi mới việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Cụ thể hóa Chiến lược công tác dân tộc bằng các chương trình hành động, dự án, kế hoạch triển khai phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế.

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

d) Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công

tác dân tộc trên địa bàn tỉnh đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành và các địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

- Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách mới trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện giai đoạn trước, bảo đảm phù hợp định hướng, chủ trương của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước và tình hình thực tiễn của địa phương; tăng cường phân cấp, phân quyền để các đơn vị, địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược công tác dân tộc theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững, trong đó tập trung vào một số chính sách sau:

+ Quy hoạch phát triển các cụm liên kết ngành để phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ hỗ trợ để tham gia sâu vào các chuỗi giá trị, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hình thành các trục động lực, khu công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, dịch vụ, du lịch gắn với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; có chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, các cơ sở giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội.

+ Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành mới các chính sách về các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, giải quyết việc làm cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý kinh tế, tài chính, quản trị sản xuất cho hộ gia đình, nhất là các hộ tham gia vào chuỗi giá trị chung và có hoạt động sản xuất kinh doanh; đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số; bảo tồn văn hóa truyền thống; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các đề án, chính sách về thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, phát huy nội lực, khơi dậy khát vọng, ý chí tự lực, tự cường, của đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với từng địa bàn, phong tục, tập quán của đồng bào.

+ Xây dựng các đề án, dự án để ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu từ các đề tài khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó tập trung vào những vấn đề trọng điểm và các mô hình có tính thực tiễn cao, kinh phí phù hợp với yêu cầu và tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân tộc thiểu số và vùng, miền, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững theo quy mô cấp cộng đồng trên nguyên tắc lấy bản sắc văn hóa, tri thức cộng đồng, truyền thống của các dân tộc thiểu số làm nền tảng, phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh làm mục tiêu, khoa học và công nghệ là giải pháp; có cơ chế linh hoạt trong huy động nguồn lực, liên kết, đặt hàng với các tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung thêm nguồn lực thực hiện.

IV. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch của Trung ương và địa phương.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Là cơ quan đầu mối phối hợp với các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; triển khai các chính sách, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể được phân công, theo chức năng, thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

- Đôn đốc, kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình, báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; tham mưu UBND tỉnh sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình dự án được cơ quan thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm để

thực hiện các hoạt động của Kế hoạch; kiểm soát việc thực hiện nguồn vốn được bố trí hàng năm cho các chương trình, dự án; đồng thời hướng dẫn quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách về đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số trên cơ sở các quy định của pháp luật đất đai và các văn bản quy định có liên quan. Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương tháo gỡ các vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chủ trì, triển khai các nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các cơ quan chức năng, UBND các huyện, thành phố nắm bắt tình hình thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng địa bàn trọng điểm, vùng biên giới.

6. Các Sở, Ban, ngành liên quan

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này và căn cứ chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tổ chức xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ được phân công có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành; phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng Kế hoạch thực hiện, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, chính sách, dự án, đề án cụ thể thuộc lĩnh vực quản lý của ngành với các nhiệm vụ, đề án thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, Ban, ngành trong việc tuyên truyền, tổ chức triển khai, giám sát Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

8. UBND các huyện, thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp quản lý, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện trên địa bàn; Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép vốn các chính sách, dự án đầu tư trên địa bàn ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề phát sinh, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề xuất hướng giải quyết để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu

số; tăng cường giữ vững an ninh quốc phòng, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; tiếp tục xây dựng và tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa từ huyện đến xã; chú trọng nâng cao đời sống văn hóa ở thôn, bon, vùng khó khăn; tăng cường xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý công tác dân tộc; thực hiện công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(Có phụ lục 1, 2 phân công thực hiện các nhiệm vụ kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược Công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phân công về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Dân tộc tỉnh) để báo cáo Bộ, ngành Trung ương theo quy định./.

Phụ lục 01
PHÂN CÔNG THEO DỐI CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 437/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	MỤC TIÊU	CƠ QUAN THEO DỐI	GHI CHÚ
I	Mục tiêu đến năm 2025		
1	Phần đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	
2	Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - UBND các huyện, thành phố	
3	100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	- Sở Giao thông vận tải - UBND các huyện, thành phố	
4	70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	UBND các huyện, thành phố	
5	100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Y tế	
6	99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	- Sở Công Thương - UBND các huyện, thành phố	
7	90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND các huyện, thành phố	
8	100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	- Sở Thông tin và Truyền thông - UBND các huyện, thành phố	
9	Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND các huyện, thành phố	
10	Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND các huyện, thành phố	
11	Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào	UBND các huyện, thành phố	
12	Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học	- Sở Giáo dục và Đào tạo	

STT	MỤC TIÊU	CƠ QUAN THEO DÕI	GHI CHÚ
	ơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%	- UBND các huyện, thành phố	
13	Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%	Sở Y tế; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
14	Trên 55% lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - UBND các huyện, thành phố	
15	Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - UBND các huyện, thành phố	
16	Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương	- Sở Nội vụ - UBND các huyện, thành phố	
II	Mục tiêu đến năm 2030		
1	Tăng trưởng kinh tế bình quân các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu từ 6,0 đến 6,5%/năm	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	
2	Thu nhập bình quân người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung cả nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - UBND các huyện, thành phố	
4	Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn	- Ban Dân tộc - UBND các huyện, thành phố	
5	70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tăng bình quân 6,5%/năm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
7	Chỉ số phát triển con người là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (HDI) đạt trên 0,69		Do Ủy ban Dân tộc phối hợp với Tổng cục Thống

STT	MỤC TIÊU	CƠ QUAN THEO DÕI	GHI CHÚ
			kê tính toán trên phạm vi toàn quốc
8	Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm	Sở Y tế	
9	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35 - 40%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - UBND các huyện, thành phố	
10	Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
11	Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã của vùng có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó trên 80% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên	- Sở Nội vụ - UBND các huyện, thành phố	
12	Trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng	Ban Dân tộc	
13	Phân đầu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa	UBND các huyện, thành phố	
14	Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái	UBND các huyện, thành phố	
15	Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân	UBND các huyện, thành phố	
16	Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - UBND các huyện, thành phố	
17	Góp phần duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng của cả nước đạt tối thiểu 42%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
18	Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	

Phụ lục 02

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC
DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số: 1437/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ				
1	- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc - Rà soát hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số	- Sở Tư pháp - Ban Dân tộc	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Chương trình, kế hoạch	2021-2030
2	Về phát triển nguồn nhân lực				
2.1	Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	Sở Nội vụ	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Thực hiện Quyết định số 2374/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025	2021-2030
2.2	Tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	- Sở Nội vụ; - Ban Dân tộc	Kế hoạch	2021-2030
2.3	Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	- Công an tỉnh - Bộ Chỉ huy	- UBND các huyện, thành phố;	Kế hoạch	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
		Quân sự tỉnh - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	- Các đơn vị liên quan		
2.4	Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- UBND các huyện, thành phố; - Các đơn vị liên quan	Thực hiện Chương trình số 28-CTr/TU, ngày 28/9/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về nâng cao chất lượng dạy và học gắn với việc triển khai chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025	2021-2030
2.5	Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, trong đó ưu tiên phát triển hệ thống giao thông liên tỉnh, liên huyện kết nối với hệ thống đường bộ quốc gia, kết nối liên vùng và liên thông vận tải với các nước bạn có chung đường biên giới	Sở Giao thông	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Thực hiện Kế hoạch số 801/KH-UBND, ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	2021-2030
2.6	Phát triển mạnh hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Thông tin và Truyền thông	- UBND các	Thực hiện Kế hoạch số 570/KH-UBND, ngày	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
			huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	21/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	
	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ưu tiên nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ phù hợp đặc thù điều kiện của địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số			Kế hoạch	2021-2030
2.7	Ưu tiên, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng đủ điều kiện theo Đề án “Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Đắk Nông đến năm 2025”, có chủ doanh nghiệp và/hoặc sử dụng lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Khoa học và Công nghệ	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Thực hiện Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Đắk Nông đến năm 2025”	2021-2030
2.8	Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030
2.9	Phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Tư pháp; Ban Dân tộc	- Các Sở, Ban,	Kế hoạch	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
			ngành - UBND các huyện, thành phố;		
II	NHIỆM VỤ CHỦ YẾU				
1	Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc				
	- Tiếp tục kiện toàn và củng cố tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện - Rà soát điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ hiệu quả	- Ban Dân tộc - UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ/ Phòng Nội vụ	Kế hoạch	2021-2030
2	Phát triển kinh tế				
2.1	Tập trung đầu tư và thu hút vốn đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030
2.2	Chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Liên minh HTX tỉnh	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Thực hiện Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 30/7/2021 về triển khai Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Kinh tế tập thể, Hợp tác xã giai đoạn 2021-2030	2021-2030
2.3	Đối với nông nghiệp				

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
2.3.1	Định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan 	Ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 theo Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) báo cáo kết quả thực hiện	2021-2030
	Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng, tạo sinh kế góp phần nâng cao thu nhập cho người dân			Kế hoạch	2021-2030
	Triển khai thực hiện hiệu quả công tác giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy định của Luật Lâm nghiệp			Kế hoạch	2021-2030
	Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng; xử lý dứt điểm tình trạng phá rừng làm nương rẫy, hủy hoại rừng			Thực hiện Chương trình số 42-CT/TU, ngày 30/3/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông thực hiện Nghị quyết về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	2021-2030
	Tham mưu các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới			Thực hiện Quyết định số 772/QĐ-UBND, ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
				hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.	
2.3.2	Đề xuất phương án để giải quyết đất ở, đất sản xuất và chính sách hỗ trợ phù hợp cho đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số	UBND các huyện, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Dân tộc - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 	Kế hoạch	2021-2030
2.3.2	Xây dựng tổ hợp tác, hợp tác xã phát triển KT-XH ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Liên minh Hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan 	Kế hoạch	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
2.4	Công nghiệp - xây dựng				
2.4.1	Rà soát quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng thế mạnh để ưu tiên phát triển nhằm nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Công Thương	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch phát triển ngành công thương hàng năm và giai đoạn	2021-2030
2.4.2	Ưu tiên lựa chọn thực hiện các đề án khuyến công hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, hợp tác xã tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Công Thương	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Lồng ghép vào Kế hoạch khuyến công hàng năm và giai đoạn	2021-2030
2.4.3	Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
2.4.4	Phối hợp, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố quy hoạch đô thị, điểm dân cư nông thôn	Sở Xây dựng	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
	Nâng cao năng lực ngành xây dựng, bảo đảm đủ sức thiết kế, thi công các công trình phù hợp với đặc thù của địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số			Kế hoạch	
2.4.5	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư, sắp xếp, ổn định dân cư tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát	Sở Nông nghiệp & PTNT	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan		
2.5	Thương mại, dịch vụ, du lịch				
		Sở Công			

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
2.5.1	Chú trọng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại vùng biên giới	Thương	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
	Xây dựng Kế hoạch xúc tiến thương mại			Kế hoạch	
	Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử			Kế hoạch	
2.5.2	Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, du lịch “trải nghiệm”, du lịch “nông nghiệp”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương từng vùng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
2.6	Giáo dục - đào tạo				
2.6.1	Thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030
2.6.2	Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỉ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
	Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương			Kế hoạch	
	Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số			Kế hoạch	

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
	<p>Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng</p> <p>Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên</p> <p>Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo</p> <p>Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số</p>			<p>Thực hiện Kế hoạch số 202/KH-UBND, ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số M'Nông và Ê đê trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Kế hoạch</p> <p>Kế hoạch</p> <p>Kế hoạch</p>	
2.7	Y tế và dân số				
2.7.1	Triển khai thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ	Sở Y tế	- UBND các	Kế hoạch	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
	sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm		huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan		
	Đề xuất thí điểm các mô hình, tiến tới nhân rộng các cơ sở y tế kết hợp quân - dân y để khám bệnh, chữa bệnh cho người dân			Kế hoạch	
2.7.2	Hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới	- Ban Dân tộc; - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
2.7.3	Xây dựng cơ chế để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030
2.7.4	Hướng dẫn, truyền thông về tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống	Ban Dân tộc	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030
2.8	Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc				
	- Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nhằm tạo ra sự đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam - Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
2.9	Quốc phòng, an ninh				
9.1	Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc, bạo loạn, biểu tình, phá rối trật tự an toàn xã hội	- Các Sở, Ban, ngành; - UBND các huyện, thành phố		Kế hoạch	2021-2030
9.2	Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các điểm nóng về an ninh, trật tự	- Các Sở, Ban, ngành - UBND các huyện, thành phố		Kế hoạch	2021-2030
9.3	Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”	Sở Nội vụ	- Ban Dân tộc - UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030
9.4	Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Ban Dân tộc	- Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch	2021-2030
9.5	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
9.6	Tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở	- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	- UBND các huyện, thành phố	Chương trình	2021-2030

STT	Tên công việc/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/chịu trách nhiệm chính	Cơ quan phối hợp	Kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện
		- Công an tỉnh	- Các đơn vị liên quan		
2.10	Đối ngoại				
10.1	Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để thu hút nguồn lực đầu tư của cộng đồng quốc tế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Kế hoạch - Đầu tư	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
10.2	Gắn kết đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng, đối ngoại công an với nước Campuchia giữ vững an ninh, trật tự tuyến biên giới; phòng chống tội phạm về ma túy, “buôn người”, phối hợp phòng chống khủng bố	- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Công an tỉnh - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Chương trình	2021-2030
10.3	Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng giao lưu với nhân dân với nước láng giềng; thực hiện kết nghĩa Cùm dân cư hai bên biên giới	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	- UBND các huyện, thành phố - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030
2.11	Củng cố hệ thống chính trị cơ sở				
	Tiếp tục xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm tại khu vực biên giới, vùng căn cứ cách mạng	UBND các huyện, thành phố	- Sở Nội vụ - Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2021-2030